

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/DS-PT

Ngày: 12-01-2026

*V/v “Tranh chấp bồi thường  
thiệt hại về tài sản và khắc phục  
thiệt hại”.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hứa Quang Thông

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Chí Dũng

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05/12, 23/12/2025 và ngày 12/01/2026 tại trụ sở 1 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 611/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc: *“Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản và khắc phục thiệt hại”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 626/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Trần Hữu T, sinh năm 1966.

1.2. Dương Thúy L, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số F, đường N, phường C (Phường B, thành phố C), tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hữu T, bà Dương Thúy L:* Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1986 (Có mặt). Địa chỉ: Số C, L, phường C, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 18/12/2025).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Hữu T, bà Dương Thúy L:* Luật sư Nguyễn Văn H là thành viên Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt) và Luật sư Mai T1 là thành viên Công ty L2 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt).

**2. Bị đơn:** Lê Nguyễn Bảo Y, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số D, đường Đ, Tổ A, Khóm A, phường C (Phường B, thành phố C), tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Nguyễn Bảo Y:* Anh Nguyễn Trường T2, sinh năm 1997 (Có mặt). Địa chỉ: Ấp T, xã M (xã M, huyện C), tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 12/11/2025).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Nguyễn Bảo Y:* Luật sư Phạm Hoàng Đ là thành viên Công ty L3 Luật sư chi nhánh Đ1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số D, đường Đ, Tổ A, Khóm A, phường C (Phường B, thành phố C), tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng N1:* Anh Nguyễn Trường T2, sinh năm 1997 (Có mặt). Địa chỉ: Ấp T, xã M (xã M, huyện C), tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 12/11/2025).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hồng N1:* Luật sư Phạm Hoàng Đ là thành viên Công ty L3 Luật sư chi nhánh Đ1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt).

3.2. Công ty cổ phần C.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Tống Văn S, chức danh: Giám đốc (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở chính: Số B, Nguyễn Văn K, phường T (Phường H, quận G), Thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Người kháng cáo:** Ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L là nguyên đơn trong vụ án.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L và người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L có căn nhà cấp 3 thuộc thửa đất số 83, diện tích 97,80m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 13, tọa lạc số 56, đường Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, được cấp quyền sở hữu và quyền sử dụng đất ngày 28/02/2008 (gọi tắt là nhà số E). Căn nhà của ông T và bà L sát vách với căn nhà

số E, đường Đ do chị Y là chủ sở hữu và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là nhà số E), nhưng khi tiến hành xây dựng công trình nhà ở đối với nhà số E thì bà Nguyễn Thị Hồng N1 (mẹ ruột chị Y) là người trực tiếp quản lý và kêu thợ xây dựng để thi công công trình nhà ở tại căn nhà số E. Trong quá trình xây dựng công trình đã đục bê, lộ cây sắt đà kiềng nhà ông T, bà L và đập phá bỏ móng liên kết chịu lực của nhà số E làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến căn nhà và có thể sập bất cứ lúc nào, hiện đã xuất hiện những vết nứt gãy mới trên tường và đà, gây nguy hiểm cho tính mạng của người ở trong nhà.

Sau khi sự việc xảy ra thì bà N1 là người trực tiếp thỏa thuận với ông T và bà L, cụ thể tại biên bản hòa giải ngày 26/12/2020 và ngày 17/10/2022 thì bà N1 tham gia hòa giải, bà N1 cũng là người tới lui trông coi công trình xây dựng nhà số E. Tại buổi hòa giải các bên có đưa ra ý kiến nhưng đến nay phía chị Y và bà N1 không thực hiện việc khắc phục thiệt hại đã gây ra cho căn nhà của ông T và bà L.

Trong khi đó, căn nhà số E cho ông Phan Văn V thuê để kinh doanh vào ngày 01/10/2020 với giá thuê là 30.000.000 đồng/tháng (ông V đã đặt cọc 03 tháng tiền nhà với số tiền 90.000.000 đồng) nhưng do chị Y làm căn nhà bị thiệt hại nghiêm trọng và sợ ảnh hưởng tính mạng người thuê nên phải chấm dứt hợp đồng cho thuê trước thời hạn vào ngày 31/5/2022. Do chấm dứt hợp đồng thuê trước hạn nên nguyên đơn phải bồi thường cho bên thuê gấp đôi số tiền đặt cọc là 180.000.000 đồng và chi phí di dời đến địa điểm kinh doanh mới 200.000.000 đồng. Nhà bị thiệt hại nghiêm trọng dẫn đến việc không thể cho thuê làm ảnh hưởng đến thu nhập của ông T và bà L mỗi tháng 30.000.000 đồng (tính từ ngày 01/6/2022).

Nay ông T và bà L yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu chị Y và bà N1 phải có trách nhiệm liên đới khôi phục lại hiện trạng đối với căn nhà cấp 3 thuộc thửa đất số 83, diện tích 97,80m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại số E, đường Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do vợ chồng ông T và bà L đứng tên quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ngày 28/02/2008 theo phương án khắc phục là Phương án 1 tại trang 14 và 15 của Báo cáo kết quả kiểm định chất lượng công trình nhà số 56 ngày 10/4/2023 của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Bách khoa Thành phố H (gọi tắt là Công ty B).

Trong trường hợp theo quy định pháp luật yêu cầu này không có cơ sở thực hiện thì ông T và bà L yêu cầu chị Y và bà N1 có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền dự toán sửa chữa căn nhà số E là 845.461.137 đồng theo bản dự toán xây dựng công trình của Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X). Yêu cầu chị Y và bà N1 phải có trách nhiệm liên đới phải bồi thường thiệt hại tiền cho thuê nhà cho ông T và bà L, tạm tính từ ngày 01/6/2022 đến ngày 12/4/2024 (là 22 tháng 11 ngày) số tiền thiệt hại tổng cộng là 671.000.000 đồng, tiền thanh lý thuê nhà 90.000.000 đồng, tiền hỗ trợ di dời cho bên thuê là 200.000.000 đồng. Yêu cầu chị Y và bà N1 có trách nhiệm liên đới bồi thường tiếp tục số tiền phát sinh trong những tháng không cho thuê nhà được là 30.000.000 đồng/tháng đến khi thực

hiện xong việc khắc phục căn nhà của ông T. Yêu cầu chị Y và bà N1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông T, bà L số tiền kiểm định và số tiền thiết kế biện pháp gia cường sửa chữa công trình phân kết cấu và lập dự toán đối với căn nhà số E là 127.000.000 đồng và 59.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 1.992.461.137 đồng.

Tại phiên hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Sau khi trao đổi với ông T và bà L, ông T và bà L xác định không yêu cầu chị Y và bà N1 khôi phục lại hiện trạng đối với căn nhà cấp 3 thuộc thửa đất số 83, diện tích 97,80m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại số E, đường Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp bị hư hỏng.

Ông T và bà L yêu cầu chị Y và bà N1 bồi thường số tiền căn nhà số E bị thiệt hại theo Dự toán xây dựng công trình của Công ty X với số tiền 845.461.137 đồng, dự toán của Công ty X là dự toán của khắc phục hậu quả thiệt hại. Ông T và bà L thống nhất chỉ sử dụng dự toán của Công ty X để làm căn cứ yêu cầu chị Y và bà N1 bồi thường. Ông T và bà L không đồng ý phương án hòa giải mà phía bị đơn chị Y và bà N1 đưa ra, ông T và bà L không đồng ý nhận số tiền 200.000.000 đồng. Phía bị đơn có yêu cầu trưng cầu giám định tại Trung tâm giám định Chất lượng Xây dựng theo Công văn số 05/TTGD-PKT ngày 06/01/2023 của Trung tâm giám định Chất lượng Xây dựng là quyền của bị đơn, nguyên đơn không có ý kiến. Đến thời điểm hiện tại ông T và bà L không yêu cầu cơ quan, tổ chức nào giám định lại phần thiệt hại căn nhà số E. Nguyên đơn không yêu cầu gì đối với Công ty C, việc thực hiện hợp đồng thi công công trình căn nhà của chị Y là việc của chị Y với Công ty C nên nguyên đơn không có ý kiến, yêu cầu gì đối với Công ty C.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông T và bà L là vợ chồng, tất cả yêu cầu ý kiến của ông T đều là yêu cầu ý kiến của bà L. Ông T và bà L yêu cầu chị Y và bà N1 liên đới bồi thường thiệt hại tổng số tiền 2.227.461.000 đồng (Hai tỷ hai trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng). Trong đó, chi phí sửa chữa, khôi phục lại hiện trạng căn nhà số E bị hỏng là 845.461.137 đồng theo Dự toán của Công ty X. Thiệt hại về tiền phạt cọc do chấm dứt hợp đồng thuê là 90.000.000 đồng; Thiệt hại do mất tiền cho thuê nhà mỗi tháng 30.000.000 đồng trong thời tính từ ngày 01/6/2022 đến ngày 26/6/2025 là 36 tháng 26 ngày là 1.106.000.000 đồng; Chi phí thuê đơn vị chức năng kiểm định, lập dự toán sửa chữa căn nhà số 56 là 127.000.000 đồng và 59.000.000 đồng.

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chị Y và bà N1 liên đới bồi thường tiền hỗ trợ di dời cho bên thuê nhà 200.000.000 đồng.

Nguyên đơn xác định nguyên nhân căn nhà số E của ông T và bà L bị hư hỏng như hiện nay là do yếu tố thời gian, môi trường và do bị đơn cắt móng liên kết giữa hai căn nhà, dù không thể xác định được thiệt hại cụ thể, nếu không có việc bị đơn phá bỏ móng nền liên kết thì nhà của nguyên đơn không thể bị hư

hỏng như hiện tại. Do nhà bị hư hỏng, không đảm bảo an toàn nên nguyên đơn phải kết thúc hợp đồng thuê nhà sớm với người thuê và phải bồi thường tiền cọc thuê nhà và không thể tiếp tục cho thuê từ ngày 01/6/2022 cho đến nay. Để chứng minh thiệt hại nên nguyên đơn phải yêu cầu các Công ty có chức năng kiểm định và lập dự toán sửa chữa căn nhà. Do đó, chị Y và bà N1 phải có nghĩa vụ bồi thường và trả lại các khoản tiền này cho nguyên đơn. Đối với chi phí giám định của Trung tâm giám định Chất lượng Xây dựng thuộc Sở X1 (gọi tắt là Trung tâm) do bị đơn yêu cầu thì bị đơn phải tự chịu. Nguyên đơn đồng ý bồi thường số tiền phạt cọc cho người thuê nhà không phải vì nguyên đơn có lỗi mà do các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng thuê nhà. Nguyên đơn thống nhất với báo cáo kết luận giám định của Trung tâm, nhưng không thống nhất giá trị khắc phục thiệt hại là 227.178.000 đồng vì giá Trung tâm xác định không phải giá thị trường, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ xác định giá thị trường để xác định giá trị thiệt hại, do đó nguyên đơn chỉ thống nhất giá trị theo dự toán là 845.461.137 đồng.

***Bị đơn chị Lê Nguyễn Bảo Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng N1 có người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Chị Y không có yêu cầu gì đối với Công ty C, không có tranh chấp gì đối với hợp đồng thi công công trình nhà số E giữa Công ty C và chị Y, việc chị Y gửi đơn đề là đơn yêu cầu độc lập là ý kiến của chị Y. Người đại diện theo ủy quyền không xác định được trong đơn chị Y yêu cầu như thế nào nhưng chị Y cũng không đồng ý sửa đổi, bổ sung lại đơn yêu cầu do đó chấp nhận đơn hay không sẽ do Hội đồng xét xử quyết định. Trường hợp có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì chị Y và bà N1 đồng ý liên đới bồi thường. Chị Y và bà N1 thống nhất kết quả giám định của Trung tâm, dù chị Y không có lỗi làm cho căn nhà số E của ông T và bà L bị hư hỏng nhưng chị Y và bà N1 tự nguyện hỗ trợ số tiền 227.178.000 đồng theo kết quả của Trung tâm.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc chị Y và bà N1 bồi thường tiền phạt cọc chấm dứt hợp đồng thuê nhà và tiền thuê nhà là không có căn cứ. Đồng thời khoảng thời gian phát sinh tranh chấp chị Y cũng không thể thi công công trình nhà chị Y. Chi phí tổ tụng và chi phí thuê đơn vị chức năng kiểm định và lập dự toán sửa chữa nguyên đơn yêu cầu thì nguyên đơn chịu, bị đơn yêu cầu bị đơn sẽ tự chịu, đối với chi phí giám định tại Trung tâm số tiền 27.132.000 đồng, bị đơn tự nguyện chịu bị đơn đã tạm ứng và chi xong.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp) (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:***

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L.

Buộc chị Lê Nguyễn Bảo Y và bà Nguyễn Thị Hồng N1 liên đới bồi thường cho ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L số tiền 227.178.000 đồng (Hai trăm

hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L, đối với yêu cầu buộc chị Y và bà N1 liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.283.000 đồng (Hai tỷ hai trăm tám mươi ba nghìn đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L, đối với yêu cầu buộc chị Y và bà N1 bồi thường thiệt hại về khoản tiền hỗ trợ di dời cho người thuê nhà số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 72.005.660 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 35.947.917 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011735 ngày 11/11/2022, 0000192 ngày 21/12/2023, 0012187 ngày 04/5/2023 và 0000388 ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ông T và bà L còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.058.000 đồng.

Chị Lê Nguyễn Bảo Y và bà Nguyễn Thị Hồng N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 11.359.000 đồng.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định số tiền 28.932.000 đồng, các đương sự đã nộp và chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L là nguyên đơn không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết: Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Luật sư Mai T1 và Luật sư Nguyễn Văn H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi các lý do như sau:

+ Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá toàn diện, bỏ sót các nội dung không phù hợp và nội dung Báo cáo do Trung tâm giám định lập còn tồn tại nhiều lỗ hổng, không đảm bảo tính khách quan và không đủ điều kiện trở thành chứng cứ

trong vụ án. Thứ nhất, không xác định nguyên nhân gây thiệt hại cho căn nhà số E. Thứ hai, phương pháp thực hiện giám định sơ sài, không thể đảm bảo tính chính xác của thiệt hại xảy ra tại căn nhà số E. Thứ ba, thời gian thực hiện giám định bắt đầu vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 17/4/2025 và kết thúc vào lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày. Việc khảo sát hiện trạng chỉ được thực hiện trong khoảng thời gian 01 giờ 30 phút là hoàn toàn không đảm bảo ghi nhận đầy đủ thiệt hại của căn nhà số E. Thứ tư, chi phí khắc phục, sửa chữa căn nhà số E có sự chênh lệch giữa 03 đơn vị. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đơn vị thi công vào tham gia tố tụng và triệu tập 03 đơn vị giám định để làm rõ sự khác biệt trong nội dung từng phần của các Báo cáo mà chỉ căn cứ vào Báo cáo của Trung tâm giám định để xác định số tiền bồi thường thiệt hại là 227.178.000 đồng hoàn toàn không có cơ sở.

+ Lỗi gây thiệt hại là từ phía chị Y và bà N1 làm cho căn nhà số E của ông T, bà L bị hư hỏng, không thể tiếp tục sử dụng và cho thuê. Khi xây dựng nhà liền kề chị Y, bà N1 đã vi phạm quy tắc xây dựng được quy định trong Luật Xây dựng, đã để bên thi công cắt, xâm phạm một phần móng và đà chung giữa nhà số E và nhà số E. Đây là hành vi trái pháp luật, trực tiếp xâm phạm kết cấu chịu lực của căn nhà số E và là nguyên nhân trực tiếp gây ra các hư hỏng, nứt gãy, mất an toàn cho công trình. Báo cáo kết quả kiểm định đánh giá chất lượng và khả năng chịu lực của kết cấu công trình ngày 10/4/2023 (trang 14) ghi nhận việc cắt một phần của móng, đà chung sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với kết cấu và sự an toàn của người dân sử dụng. Do đó, chị Y và bà N1 phải có trách nhiệm toàn bộ bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn.

+ Đối với các chi phí thuê đơn vị chức năng kiểm định, lập dự toán sửa chữa căn nhà số E là 186.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đây chi phí ngoài tố tụng là không đúng quy định pháp luật và đánh tráo bản chất vấn đề. Các khoản chi phí này phát sinh trực tiếp từ hành vi xâm phạm tài sản của bị đơn, nhằm mục đích xác định nguyên nhân thiệt hại, mức độ nguy hiểm của công trình và chi phí cần thiết để khắc phục. Đây là những chi phí hợp lý, cần thiết và là thiệt hại thực tế mà nguyên đơn buộc phải gánh chịu để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình nên phải được bồi thường theo quy định tại Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015.

- Chị Nguyễn Thị Thu N là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của Luật sư Mai T1 và Luật sư Nguyễn Văn H, không bổ sung gì thêm.

- Luật sư Phạm Hoàng Đ là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Nguyễn Bảo Y và bà Nguyễn Thị Hồng N1 trình bày: Không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi, căn nhà của ông T, bà L đã xuống cấp do xây dựng trên 30 năm và hiện tại chỉ còn 40% giá trị sử dụng là phù hợp với kết luận giám định bị ảnh hưởng do yếu tố thời gian, môi trường. Các báo cáo do nguyên đơn cung cấp là bảng báo giá về việc thi công căn nhà số E, chị Y không đồng ý và yêu cầu Trung tâm

giám định Chất lượng Xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh X1 giám định lại là phù hợp pháp luật và chị Y, bà N1 đồng ý hỗ trợ cho ông T, bà L số tiền 227.178.000 đồng là phù hợp với kết luận. Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn không chứng minh được thiệt hại và tài liệu, chứng cứ chứng minh thiệt hại do bị đơn gây ra.

- Anh Nguyễn Trường T2 là người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Nguyễn Bảo Y và bà Nguyễn Thị Hồng N1 trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của Luật sư Phạm Hoàng Đ, không bổ sung gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thủ tục kháng cáo của ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L thực hiện đúng và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L là nguyên đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 138/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp) theo hướng buộc chị Y và bà N1 bồi thường tiền thuê nhà 16 tháng với số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

*(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 231/PB-VKS-P9 ngày 12/01/2026).*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp) thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản và khắc phục thiệt hại*” là đúng quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm d khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Việc nguyên đơn ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L nộp đơn kháng cáo ngày 09/7/2025 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tống Văn S là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đơn vị thi công vào tham gia tố tụng và triệu tập 03 đơn vị giám định để làm rõ việc chênh lệch giá trị giám định là không có căn cứ chấp nhận. Bởi, Tòa án cấp sơ thẩm đưa đơn vị thi công công trình nhà của chị Y là Công ty cổ phần C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc triệu tập 03 đơn vị giám định là không cần thiết bởi các đơn vị đã thực hiện và cung cấp các tài liệu, báo cáo, kết luận, dự toán theo hồ sơ cho Tòa án theo quy định.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có một phần cơ sở chấp nhận. Bởi các lẽ như sau:

[2.1.] Xét, yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền dự toán sửa chữa căn nhà số E là 845.461.137 đồng.

- Các đương sự thừa nhận vào khoảng tháng 10/2020, chị Lê Nguyễn Bảo Y có thực hiện thi công mới nhà ở riêng lẻ tại số E, đường Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp với nhà thầu Công ty cổ phần C. Quá trình thi công chị Y đã để đơn vị thi công phá dỡ căn nhà số E của chị Y, đồng thời dỡ phần móng chung giữa 02 căn nhà (căn nhà số E của chị Y và căn nhà số E của ông T, bà L). Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Báo cáo kết quả kiểm định đánh giá chất lượng và khả năng chịu lực của kết cấu hiện trạng ngày 10/4/2023 do Công ty cổ phần Khoa học Công nghệ Thành phố H đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 13, diện tích 97,8m<sup>2</sup>, tọa lạc tại số E, đường Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, xác định nguyên nhân gây hư hỏng: *“Công trình đã lâu (trên 30 năm) sẽ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời gian và môi trường. Theo thời gian, việc sử dụng công trình trong khoảng thời gian dài, các bộ phận của công trình như móng, tường, mái, cột, dầm, sàn có thể bị ăn mòn hoặc hư hỏng, do tác động môi trường gây ảnh hưởng đến tính an toàn và ổn định của công trình. Bên cạnh đó, sau khi bị ảnh hưởng bởi tác động của quá trình đào đất và thi công cắt một phần móng, đà chung của công trình liền kề (nằm trong phạm vi khu đất trống lân cận công trình số 56) làm giảm khả năng chịu lực của móng, dẫn đến tải trọng không đồng đều, gây ra sự quá tải ở một số móng và thiếu tải ở các móng khác. Điều này làm mất ổn định ban đầu của kết cấu, gây ra các hư hỏng như nứt vỡ, lún nứt, biến dạng...”* Theo như báo cáo trên thể hiện có 03 yếu tố: Thời gian, môi trường và tác động của con người dẫn đến việc thiệt hại. Việc cắt một phần móng, đà chung là có 01 phần dẫn đến ảnh hưởng công trình không còn chịu lực, ảnh hưởng đến nứt tường. Do đó, ông T và bà L khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là có một phần căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không thể xác định được mức thiệt hại cụ thể do móng nhà liên kết bị phá dỡ sẽ ảnh hưởng và thiệt hại như thế nào đối với tổng thể căn nhà số E. Đồng thời, cung cấp Bản dự toán xây dựng công trình

của Công ty cổ phần Khoa học Công nghệ Bách khoa Thành phố H ngày 10/4/2023 với giá trị dự toán 452.400.330 đồng (Trong đó, hạng mục: Gia cường 353.618.349 đồng và hạng mục: Cải tạo, hoàn thiện 98.781.981 đồng) và Bản dự toán xây dựng công trình của Công ty TNHH X (viết tắt Công ty X) với giá trị dự toán 845.461.137 đồng (Trong đó, giá về việc thi công bao gồm vật tư, nhân công và máy thi công hạng mục: Gia cường 663.108.780 đồng và hạng mục: Cải tạo và hoàn thiện 182.352.357 đồng). Nguyên đơn yêu cầu bồi thường số tiền dự toán sửa chữa căn nhà số E là 845.461.137 đồng theo dự toán của Công ty X là chưa phù hợp. Bởi, bản dự toán của Công ty X không xác định nguyên nhân hư hỏng và dự toán chi phí xây dựng.

Tại Báo cáo số 130625-1/BCGD-TTGD ngày 13/6/2025 của Trung tâm giám định Chất lượng Xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh X1, về giám định xác định giá trị tài sản bị thiệt hại, tính toán kiểm tra khả năng chịu lực phần móng, đề xuất giải pháp khắc phục phần móng bị phá bỏ của căn nhà số E của ông Trần Hữu T tại Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Kết luận: *“Giá trị thiệt hại và chi phí khắc phục thiệt hại các cấu kiện hư hỏng cột dầm sàn, tường, đà kiềng, móng của căn nhà số E, đường D, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là 227.178.000 đồng”*. Đối với kết luận giám định của Trung tâm thì nguyên đơn đồng ý nhưng không thống nhất giá trị thiệt hại là 227.178.000 đồng. Bị đơn cho rằng không có lỗi trong việc căn nhà của ông T và bà L bị hư hỏng là không phù hợp, bởi thực tế căn nhà số E của ông T, bà L bị hư hỏng là có một phần nguyên nhân từ lỗi của chị Y, khi thi công căn nhà số E đã để đơn vị thi công phá dỡ phần móng liên kết chung giữa hai căn nhà sẽ gây thiệt hại cho nhà liền kề, tuy không mong muốn nhưng để mặc cho thiệt hại xảy ra.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Hồng N1 thống nhất, trường hợp có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì bà N1 đồng ý liên đới cùng chị Y bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Đây là sự tự nguyện liên đới thực hiện nghĩa vụ của bà N1, việc tự nguyện là phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức, xã hội nên chấp nhận.

Xét thấy, Báo cáo số 130625-1/BCGD-TTGD ngày 13/6/2025 của Trung tâm giám định Chất lượng Xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh X1 là phù hợp pháp luật và Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Y và bà N1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông T và bà L số tiền 227.178.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2.] Xét, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tiền phạt cọc do chấm dứt hợp đồng thuê là 90.000.000 đồng, thiệt hại do mất tiền thuê nhà trong thời gian nhà bị hư hỏng từ ngày 01/6/2022 đến ngày 26/6/2025 là 1.106.000.000 đồng.

Tại Biên bản về việc tiếp xúc ông Trần Hữu T và bà Nguyễn Thị Hồng N1 ngày 26/12/2020 của Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, thể hiện ý kiến ông Trần Hữu T: Ông T đề nghị bên thi công giữ nguyên hiện trạng và đưa ra hướng khắc phục thuê bộ phận chuyên môn đến giám định, nếu

bên chuyên môn cho rằng khi thi công không ảnh hưởng đến nhà ông thì bên thi công cứ việc xây dựng, nếu thi công có ảnh hưởng đến nhà ông thì phải khắc phục trả lại hiện trạng như ban đầu. Bà N1 và đại diện đơn vị thi công thống nhất ý kiến của ông T. Như vậy, các bên đã thống nhất giữ nguyên hiện trạng để chờ kết luận của cơ quan chuyên môn. Từ ngày 26/12/2020 đến nay công trình xây dựng nhà số 54 của chị Y đã dừng mọi hoạt động thi công để chờ kết quả giải quyết tranh chấp.

Trong khoảng thời gian từ ngày 26/12/2020 đến 31/5/2022 căn nhà số E của ông T và bà L vẫn hoạt động cho thuê, được thể hiện qua Hợp đồng thuê nhà ngày 01/10/2020 giữa ông Trần Hữu T và ông Phan Văn V, thời hạn thuê nhà là 03 năm kể từ ngày 01/10/2020 đến ngày 30/9/2023, giá thuê 30.000.000 đồng/tháng, ông V đặt cọc 90.000.000 đồng và các bên thỏa thuận nếu bên ông T muốn chấm dứt hợp đồng thì bên ông T phải báo trước cho bên ông V 02 tháng và bồi thường gấp đôi tiền cọc 180.000.000 đồng. Nếu bên ông V chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì mất tiền đặt cọc 90.000.000 đồng. Hợp đồng không có công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của nguyên đơn thừa nhận từ ngày sự việc xảy ra vẫn tiếp tục cho ông V thuê 17 tháng cho đến ngày 31/5/2022 thì ông T và ông V tự thỏa thuận thống nhất chấm dứt hợp đồng thuê nhà trước hạn và thanh lý hợp đồng theo Biên bản thanh lý hợp đồng thuê nhà trước thời hạn. Ông V đề nghị ông T hỗ trợ chi phí di dời đến địa điểm kinh doanh mới 200.000.000 đồng và bồi thường tiền đặt cọc do thanh lý trước hạn hợp đồng 180.000.000 đồng.

Tại Văn bản số 210/TTGD-PKT ngày 08/11/2021 của Trung tâm giám định Chất lượng Xây dựng thể hiện: *“Hiện trạng nhà của bà Lê Nguyễn Bảo Y trước khi phá dỡ nhà cũ thi công xây dựng mới là nhà ở liên kế chung với nhà số E, D, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (sau đây viết tắt nhà số E). Trung tâm có thực hiện việc khảo sát nhà số E vào ngày 22/3/2021, nhà bà Lê Nguyễn Bảo Y đã được phá vỡ toàn bộ và đã thi công xong gia cố nền bằng cọc khoan nhồi. Thời điểm này, khảo sát nhà số 56 công trình không có dấu hiệu bất thường và biểu hiện nguy hiểm”*.

Các giao dịch cho thuê nhà, chấm dứt hợp đồng thuê nhà trước thời hạn và bồi thường tiền phạt cọc đều được thực hiện trên ý chí tự nguyện của ông T, không có kết luận của cơ quan chuyên môn về sự an toàn, cũng như thiệt hại của căn nhà số E. Xét, căn nhà số E của ông T, bà L bị hư hỏng là có một phần nguyên nhân từ lỗi của chị Y, khi thi công căn nhà số E đã để đơn vị thi công phá dỡ phần móng liên kết chung giữa hai căn nhà sẽ gây thiệt hại cho nhà liền kề nên mỗi bên phải chịu  $\frac{1}{2}$  về lỗi của mình.

Do đó, việc tính tiền thuê nhà từ ngày 31/5/2022 đến ngày 30/9/2023 là 16 tháng x 30.000.000 đồng/tháng = 480.000.000 đồng : 2 (lỗi của mỗi bên) = 240.000.000 đồng. Do đó, buộc chị Y và bà N1 có trách nhiệm liên đới trả tiền thuê nhà cho ông T, bà L số tiền 240.000.000 đồng.

[2.3.] Xét, yêu cầu trả lại chi phí thuê các Công ty kiểm định và lập dự toán là 186.000.000 đồng (gồm 127.000.000 đồng và 59.000.000 đồng).

Nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần Khoa học Công nghệ Bách khoa Thành phố H và Công ty TNHH X lập bản dự toán. Xét thấy, đây là chi phí ngoài tổ tụng do nguyên đơn tự yêu cầu nên nguyên đơn phải tự chi trả. Việc nguyên đơn yêu cầu chị Y và bà N1 trả lại số tiền này là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4.] Xét, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tiền hỗ trợ di dời cho người thuê nhà 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện này nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện này là phù hợp Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5.] Về chi phí tố tụng: Gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 600.000 đồng do nguyên đơn nộp tạm ứng và chi xong; Chi phí định giá tài sản số tiền 1.200.000 đồng và chi phí giám định số tiền 27.132.000 đồng chị Y đã nộp tạm ứng và chi xong. Các đương sự tự nguyện chịu chi phí phần các đương sự đã yêu cầu, đã nộp tạm ứng và chi xong.

[2.6.] Đối với Công ty cổ phần C là đơn vị thi công công trình nhà số E, các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là phù hợp. Trường hợp, có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Từ những phân tích nêu trên xét thấy kháng cáo của nguyên đơn là có một phần căn cứ chấp nhận, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có một phần cơ sở nên được xem xét.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do sửa án nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại cho phù hợp pháp luật và kháng cáo của ông T và bà L được chấp nhận một phần, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Cụ thể như sau: Ông T và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.808.490 đồng; Chị Y và bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.687.000 đồng. Tuy nhiên, bà N1 do thuộc diện người cao tuổi nên được xét miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp).

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L.

Buộc chị Lê Nguyễn Bảo Y và bà Nguyễn Thị Hồng N1 liên đới bồi thường cho ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L số tiền 467.178.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L, đối với yêu cầu buộc chị Y và bà N1 bồi thường thiệt hại về khoản tiền hỗ trợ di dời cho người thuê nhà số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 64.808.490 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 35.947.917 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011735 ngày 11/11/2022, số 0000192 ngày 21/12/2023, số 0012187 ngày 04/5/2023 và số 0000388 ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Đồng Tháp). Ông T và bà L còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 28.860.573 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng).

Chị Lê Nguyễn Bảo Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 11.343.500 đồng (Mười một triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Hồng N1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2.4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định số tiền 28.932.000 đồng, các đương sự tự nguyện chịu chi phí phần các đương sự đã yêu cầu, đã nộp và chi xong.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Hữu T và bà Dương Thúy L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T, bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng, theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000078 và số 0000079 cùng ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND Tỉnh;
- Phòng TT, KT & THA TAND Tỉnh;
- TAND khu vực 6 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 6 – Đồng Tháp;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS <sup>(Quang)</sup>.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Hứa Quang Thông**